

Số: 69/2019/VFC/ CV-QHCD  
V/v: CBTT Quyết định, thông báo  
Hải Quan

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: VFG

Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Dũng

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại di động: 0918 808 835 Fax: 028. 3829 0457

Loại thông tin công bố:  24 giờ  định kỳ  bất thường  theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

- **Quyết định số: 989/QĐ/KTSTQ Ngày 23/12/2019- Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**
- **Thông báo số: 1669/TB-KTSTQ Ngày 23/12/2019- Về tiền chậm nộp**

**Công Ty Cổ Phần Khử Trùng Việt Nam đã chấp hành nộp thuế bổ sung và tiền chậm nộp theo đúng quy định.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/12/2019 tại đường dẫn [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**TRẦN VĂN DŨNG  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Số: 989 /QĐ-KTSTQ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

**CỤC TRƯỞNG CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN**

Căn cứ Điều 39 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH 13 ngày 23/6/2014; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Khoản 3 Điều 98 và Khoản 4 Điều 100 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 50 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Điều 14 Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 13, Điều 14 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm tra sau thông quan trực thuộc Tổng cục Hải quan;

Căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan (tương ứng từng thời kỳ);

Trên cơ sở xem xét hồ sơ, tài liệu, nội dung Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam số 1657/KL-KTSTQ(C2) ngày 20/12/2019;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra về việc ấn định thuế đối với hàng hoá nhập khẩu của Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ấn định thuế đối với mặt hàng nhập khẩu của Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty), Mã số thuế: 0302327629, Địa chỉ trụ sở chính: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Lý do ấn định thuế: Điều chỉnh trị giá tính thuế do Công ty khai thiếu phí bản quyền vào trị giá hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 14 Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 13, Điều 14 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015.

**Điều 3.** Tổng số tiền thuế ấn định:

STT	Sắc thuế	Tiểu mục	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)			Số tiền thuế đã nộp (VNĐ)	Số tiền thuế còn phải nộp (VNĐ)
			Số tiền thuế theo kê khai	Số tiền thuế ấn định	Chênh lệch sau ấn định		
1	Thuế nhập khẩu	1901	1.301.362.114	2.456.913.539	1.155.551.425	1.301.362.114	1.155.551.425
2	Thuế giá trị gia tăng	1702	1.215.499.494	2.294.823.573	1.079.324.079	1.215.499.494	1.079.324.079
	Tổng số		2.516.861.608	4.751.737.112	2.234.875.504	2.516.861.608	2.234.875.504

Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm ba mươi tư triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm linh tư đồng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điêu 4. Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 Quyết định này, tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế vào tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội, mã đơn vị QHNS: 1016278, đơn vị quản lý thu: Cục Kiểm tra sau thông quan.

Thời hạn nộp thuế được tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai./ *u m*

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam (để t/hiện);
- Cục HQ TP. Hồ Chí Minh (để biết);
- Cục QLRR (để p/hợp);
- Kho bạc Nhà nước Tp. Hà Nội (để p/hợp);
- Lưu: VT, C2 (05b) *ph*



Trần Minh Trung

Số: 1669/TB-KTSTQ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**Về tiền chậm nộp**

Kính gửi: Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam  
(Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cục Kiểm tra sau thông quan thông báo:

1. Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam phát sinh số tiền chậm nộp của các tờ khai hải quan từ ngày 05/01/2014 đến ngày 05/11/2019 theo Quyết định ấn định số 989/QĐ-KTSTQ ngày 23/12/2019 của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan là:

Khoản thu	Mục	Tiểu mục	Số tiền chậm nộp (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)
Tiền chậm nộp thuế nhập khẩu	4900	4936	495.454.751
Tiền chậm nộp thuế GTGT từ hàng nhập khẩu		4928	394.220.967
<b>Tổng cộng</b>			<b>889.675.718</b>

Tổng số tiền chậm nộp bằng chữ: Tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười tám đồng.

(Chi tiết theo bảng kê đính kèm)

2. Yêu cầu Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam nộp đủ số tiền chậm nộp của các tờ khai hải quan vào tài khoản số 7111 mở tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội, mã đơn vị QHNS: 1016278, đơn vị quản lý thu: Cục Kiểm tra sau thông quan.

Quá thời hạn quy định mà Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam không thực hiện nộp số tiền chậm nộp theo thông báo này thì cơ quan hải quan sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Kho bạc Nhà nước Tp. Hà Nội (để p/hợp);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, C2(02b)



Trần Minh Trung